TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2025/DS-PT
Ngày: 22/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán:Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2025/TLPT-DS ngày 27/5/2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân Khu Vực 9, thành phố Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ) là người đại diện theo ủy quyền theo bản ủy quyền ngày 01/11/2022 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* 1. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Bà Đặng Thị P1, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị P1: Ông Lê Duy K, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã C, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

Người đạidiện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn Đ: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: số A, đường N, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ).

3. Anh Trương Văn C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

4. Chị Võ Thị T2, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

5. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã C, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

6. Bà Huỳnh Hữu N2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Đặng Thị P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà Đặng Thị P1 làm chủ hụi, bà Huỳnh Thị P là thành viên có tham gia góp 02 dây hụi: dây hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 15/01/2018 âm lịch, hụi có 32 người tham gia, bà P tham gia 01 phần, dây hụi này hiện nay đã mãn, trừ hoa hồng cho bà P1 1.500.000 đồng, số tiền bà P lĩnh được hụi là 91.500.000 đồng, bà P1 trả cho bà P nhiều lần được 4.000.000 đồng, còn lại 87.500.000 đồng. Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 10/8/2017 âm lịch, có 32 người tham gia, hụi đã mãn. Bà P hốt được 61.000.000 đồng, bà P1 trả cho bà P nhiều lần được 47.500.000 đồng, còn lại 13.500.000 đồng. Tổng cộng hai dây hụi bà P1, ông Đ còn nợ bà P 105.000.000 đồng.

Ngày 18/8/2020, bà P có cho vợ chồng bà P1, ông Đ vay số tiền 70.000.000 đồng lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng. Đến nay bà P1 và ông Đ vẫn chưa thanh toán nợ vay và nợ hụi cho bà P.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc vợ chồng bà Đặng Thị P1 và ông Huỳnh Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền vay gốc, tiền hụi gốc và tiền lãi tổng cộng 223.007.000 đồng. Trong đó: Nợ hụi gốc 105.000.000 đồng, tiền lãi hụi tính từ ngày 18/8/2020 đến ngày khởi kiện là 02/11/2022 là 02 năm 02 tháng 15 ngày, làm tròn là 26 tháng, tính thành tiền là 105.000.000 đồng * 0,83%/tháng * 26 tháng = 21.795.000 đồng. Nợ vay gốc 70.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 18/8/2020 đến ngày khởi kiện 02/11/2022 là 02 năm 02 tháng 15 ngày, làm tròn là 26 tháng, cụ thể 70.000.000 đồng * 1,66%/tháng *26 tháng = 30.212.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi chậm trả đối với 02 khoản nợ trên với tổng số tiền 175.000.000 đồng từ ngày 03/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án, theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi hụi, yêu cầu cụ thể: buộc vợ chồng bà P1, ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi, nợ vay và tiền lãi nợ hụi và tiền lãi nợ vay với tổng số tiền là 257.650.000 đồng. Trong đó: Nợ hụi gốc 101.000.000 đồng, tiền lãi hụi tính từ ngày chấm dứt hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/3/2025 là 02 năm 02 tháng 25 ngày, tương đương 26 tháng 25 ngày, tính thành tiền là 101.000.000 đồng * 0,83%/tháng * 26 tháng, 20 ngày (giảm 05 ngày) = 22.353.000 đồng (đã làm tròn), tổng cộng gốc và lãi 123.353.000 đồng. Nợ vay gốc 70.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 18/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 04 năm 07 tháng 10 ngày, tương đương 55 tháng, 10 ngày, tính thành tiền 70.000.000 đồng * 1,66%/tháng * 55 tháng, 10 ngày = 64.297.000 đồng (đã làm tròn), tổng cộng gốc và lãi 134.297.000 đồng.

- *Bị đơn bà Đặng Thị P1 trình bày*: Bà P1 xác nhận có làm chủ hụi, có hợp đồng góp hụi với bà P dây hụi 3.000.000 đồng và dây hụi 2.000.000 đồng, bà P1 cho rằng hai dây hụi này đã quá lâu, bà P1 không nhớ các dây hụi này có bao nhiêu người, mở vào thời gian nào. Tuy nhiên, bà P1 xác định dây hụi 3.000.000 đồng và dây hụi 2.000.000 đồng đã mãn, bà không có nợ hụi bà P, bà P1 đã thanh toán xong tiền hụi của hai dây hụi trên cho bà P, bà không nhớ rõ bà P hốt hụi dây 3.000.000 đồng và dây hụi 2.000.000 đồng là bao nhiêu tiền. Hiện nay, bà không nhớ thời gian giao tiền cho bà P, không có giấy tờ giao nhận tiền hụi với bà P. Về khoản nợ vay, bà có vay số tiền 70.000.000 đồng của bà P, bà vay hai lần, lần đầu vay 40.000.000 đồng, lần sau vay 30.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời gian vay thì bà không nhớ rõ nhưng vay trước ngày 18/8/2020. Khi vay không có giấy tờ, bà đã trả được 4.000.000 đồng, chỉ còn nợ gốc 66.000.000 đồng. Việc vay tiền, trả tiền, thỏa thuận lãi giữa bà và bà P chỉ bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Bà xác định đây là nợ riêng của bà không có liên quan đến ông Đ, bà vay tiền mục đích sử dụng cá nhân. Bà làm chủ hụi ông Đ không biết, bà làm chủ hụi để làm kinh tế phục vụ nhu cầu cá nhân. Bà thống nhất trả tiền vay cho bà P số tiền vay gốc 66.000.000 đồng và xin trả dần, không trả lãi.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ trình bày: Ông là chồng của bà Đặng Thị P1, ông không có tham gia góp hụi, không có vay tiền của bà P. Ông không đồng ý

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không có nợ hụi và tiền vay, do đó ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay tòa Tòa án nhân dân Khu Vực 9, thành phố Cần Thơ) đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 12 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P. Buộc bà Đặng Thị P1 trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 257.650.000 đồng. Trong đó: nợ hụi gốc 101.000.000 đồng, tiền lãi nợ hụi 22.353.000 đồng; nợ vay gốc 70.000.000 đồng, lãi tiền nợ vay 64.297.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P1 không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà P1 phải trả cho nguyên đơn tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P về việc buộc ông Huỳnh Văn Đ chịu trách nhiệm liên đới với bà Đặng Thị P1 trả nợ tiền hụi và nợ tiền vay cho bà P số tiền 257.650.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/4/2025 bị đơn bà Đặng Thị P1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9, thành phố Cần Thơ) yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay bà còn nợ 66.000.000 đồng; bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng góp hụi với số tiền 101.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 22.535.000 đồng. Với các lý do: Tiền hụi giữa bà và bà P đã thanh toán xong, bà không còn thiếu tiền hụi bà P, số tiền vay bà P bà chỉ còn nợ 66.000.000 đồng; trong quá trình hốt hụi trước đó, bà không nhớ hốt thời gian nào nhưng khi bà P hốt bà đều giao đủ tiền hụi cho bà P có ghi vào sổ theo dõi cá nhân của bà, bà không còn nợ tiền hụi của bà P, việc bà P hốt hụi bà đều có người làm chứng. Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án không làm rõ nội dung đơn khởi kiện về phần tranh chấp hợp đồng góp hụi. Do bà vắng mặt tại phiên tòa nên không làm rõ bà P hốt hụi khi nào, bản án nhận định mâu thuẫn với lời khai của những người làm chứng về thời gian bà P hốt hụi từ đó chấp nhận yêu cầu của bà P nhưng thực chất bà P đã hốt hụi và thanh toán tiền hụi xong.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đại diện bị đơn yêu cầu dừng phiên tòa để yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị P1 trong giấy viết tay ngày 18/8/2020 do nguyên đơn cung cấp.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị đơn P1 về việc dừng phiên tòa để giám định chữ ký, chữ viết và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn và những người làm chứng Lê Thị T1, Trần Thị N1, Trương Văn C, Võ Thị T2, Huỳnh Thị S, Huỳnh Hữu N2 vắng mặt không lý do. Xét thấy, nguyên đơn, đại diện hợp pháp nguyên đơn và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai

nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.3] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp bị đơn Đặng Thị P1 yêu cầu dừng phiên tòa để giám định chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị P1 trên giấy viết tay ngày 18/8/2020. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn thừa nhận có vay tiền nguyên đơn 70.000.000 đồng; thừa nhận nguyên đơn có tham gia chơi hụi do bị đơn làm chủ 02 dây hụi như nguyên đơn trình bày; không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không căn cứ vào giấy viết tay nêu trên để buộc bị đơn trả nợ nên việc giám định chữ ký, chữ viết trên giấy tay nguyên đơn cung cấp không có ý nghĩa đối với quyết định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu dừng phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị P yêu cầu các bị đơn Huỳnh Văn Đ và Đặng Thị P1 trả số tiền hụi còn thiếu 101.000.000 đồng, tiền vay 70.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ không

đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn do ông không tham gia chơi hụi với bà P và cũng cũng không vay tiền của bà P. Bị đơn bà Đặng Thị P1 thừa nhận có vay tiền của bà P số tiền 70.000.000 đồng, đã trả được số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ 66.000.000 đồng. Đối với tiền hụi bà P1 thừa nhận bà P có tham gia 02 dây hụi nói trên nhưng bà P đã hốt và bà đã giao đủ tiền hụi cho bà P nên không đồng ý theo yêu cầu của bà P. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ cấp sơ thẩm đã quyết định buộc các bị đơn Đặng Thị P1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền vay và tiền hụi tổng cộng 171.000,000 đồng và tiền lai phát sinh tổng cộng 86.650.000 đồng. Không đồng ý với quyết định trên nên bị đơn Đặng Thị P1 đã kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn Đặng Thị P1 đối với khoảng tiền vay 70.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn 70.000.000 đồng nhưng đã trả số tiền 4.000.000 đồng, chỉ còn nợ 66.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả số tiền 66.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P không thừa nhận có nhận của bị đơn số tiền 4.000.000 đồng. Xét thấy, việc bị đơn thừa nhận có vay nguyên đơn 70.000.000 đồng là sự thật không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dâ sự. Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyen đơn 4.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyen đơn không thừa nhận và bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự buộc bị đơn trả số tiền đã vay và tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án đối với khoảng tiền vay chỉ đồng ý trả 66.000.000 đồng và lãi phát sinh nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn đối với khoảng hụi còn thiếu 101.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ. Bị đơn thừa nhận có làm chủ hụi và nguyên đơn tham gia hai chân hụi như nguyên đơn trình bày nhưng quá trình chơi hụi nguyên đơn đã hốt, bị đơn đã giao đủ tiền cho nguyên đơn nên không còn thiếu tiền hụi của nguyên đơn và hiện nay hụi cũng đã mãn. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp dược tài liệu, chứng cứ để chứng minh là đã giao xong các khoản tiền hụi của dây hụi 3.000.000 đồng và dây hụi 2.000.000 đồng cho nguyên đơn. Qua xác minh những người làm chứng có tham gia chơi hụi cùng dây hụi với bà P thì thấy rằng họ chỉ biết bà P có tham gia các dây hụi do bà P1 làm chủ, còn việc bà P đã hốt hụi hay chưa, cũng như bà P1 có giao tiền hụi cho bà P hay không thì họ không biết. Từ đó cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn trả tiền hụi cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Bà P1 kháng cáo cho rằng đã giao hụi cho bà P xong không còn thiếu tiền hụi của P nhưng không cung cấp được chứng cứ nguyên đơn đã nhận tiền hụi của bị đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Tại phiên tòa bị đơn cho rằng nguyên đơn có thừa nhận có nhận tiền của bị đơn nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Xét thấy, theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn có xác định bị đơn có trả cho nguyên đơn dây hụi thứ nhất là

4.000.000 đồng, còn thiếu 87.500.000 đồng; dây hụi thứ hai 47.500.000 đồng, còn thiếu 13.500.000 đồng. Tổng cộng còn nợ 101.000.000 đồng, việc nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả dần tiền nợ hụi và sau khi khấu trừ bị đơn vẫn còn nợ tổng cộng 101.000.000 đồng nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã giao đủ số tiền hụi cho nguyên đơn.

[6] Từ những phân tích trên, thấy rằng kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9, thành phố Cần Thơ).

[7] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của các bị đơn Đặng Thị P1 không được chấp nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không nhận kháng cáo của bị đơn Đặng Thị P1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân Khu Vực 9 - thành phố Cần Thơ).

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 12 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P. Buộc bà Đặng Thị P1 trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 257.650.000 đồng. Trong đó: nợ hụi gốc 101.000.000 đồng, tiền lãi nợ hụi 22.353.000 đồng; nợ vay gốc 70.000.000 đồng, lãi tiền nợ vay 64.297.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P1 không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà P1 phải trả cho nguyên đơn tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P về việc buộc ông Huỳnh Văn Đ chịu trách nhiệm liên đới với bà Đặng Thị P1 trả nợ tiền hụi và nợ tiền vay cho bà P số tiền 257.650.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P1 phải chịu 12.882.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà P được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.575.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005092 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 9, thành phố Cần Thơ).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bi đơn Đặng Thị P1 phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, bà P1 đã nộp theo biên lai thu số 0001068, ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 9, thành phố Cần Thơ)

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy điịnh tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu Vực 9, Tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu Vực 9, Tp.Cần Thơ;
- Phòng THADS KV9, Tp Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy